PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 2

Unit 11 Lesson 3 · Unit 12 Lesson 1 (SGK tr. 50–51)

Tuần 24

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Look and write (nhìn hình, viết từ)

 g ☐ apes	 ☐ ake	 ze ☐ ra	 ☐ uice

Bài 2: Vocabulary (từ vựng): điền chữ cái còn thiếu (đọc nghĩa trong ngoặc)

dr☐ving (đang lái xe) r☐ding (đang đạp xe) t☐ble (cái bàn)

Bài 3: Match – nối hình với từ

	•	•	riding
	•	•	driving
	•	•	grapes
	•	•	cake
	•	•	sliding

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1. They're driving cars.	•	•	a. nho
2. grapes	•	•	b. bánh ngọt
3. cake	•	•	c. cái bàn
4. table	•	•	d. Họ đang lái xe ô tô.

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. Bố và chú đang lái ô tô. They're ☐☐☐ cars.
   (A) driving (B) flying (C) doing
2. grapes nghĩa là gì?
   (A) bánh ngọt (B) nho (C) cái bàn
3. Từ nào có chữ a đọc giống chữ a trong cake?
   (A) van (B) jam (C) table

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

Chép mỗi từ một dòng: sliding riding

Chưa cần viết câu.

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án

ĐÁP ÁN – TIẾNG ANH LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 24

Bài 1: Look and write (nhìn hình, viết từ)

– grapes – cake – zebra – juice

Bài 2: Vocabulary (từ vựng): điền chữ cái còn thiếu (đọc nghĩa trong ngoặc)

driving (đang lái xe) riding (đang đạp xe) table (cái bàn)

Bài 3: Match – nối hình với từ

– sliding – riding – driving – grapes – cake

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1 – d 2 – a 3 – b 4 – c

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. **A** (driving) 2. **B** (nho) 3. **C** (table)

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

sliding riding

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án